

CÂU HỎI GỢI Ý ÔN TẬP HỌC KỲ I (NH: 2021-2022)

MÔN TIN HỌC – KHỐI 12

1) Cơ sở dữ liệu (CSDL) là

- a) Tập hợp các dữ liệu có liên quan với nhau chứa thông tin của một tổ chức nào đó được lưu trên các thiết bị nhớ để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người với nhiều mục đích khác nhau. (*)
- b) Tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được ghi lên giấy.
- c) Tập hợp dữ liệu chứa đựng các kiểu dữ liệu: ký tự, số, ngày/giờ, hình ảnh, ... của một chủ thể nào đó.
- d) Tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được lưu trên giấy để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người.

2) Hệ quản trị CSDL là

- a) Phần mềm dùng tạo lập CSDL.
- b) Phần mềm để thao tác và xử lý các đối tượng trong CSDL.
- c) Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ và khai thác một CSDL. (*)
- d) Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ một CSDL.

3) Các thành phần của hệ CSDL gồm

- a) CSDL, hệ QTCSDL.
- b) CSDL, hệ QTCSDL, phần mềm ứng dụng khai thác CSDL. (*)
- c) Con người, CSDL, phần mềm ứng dụng.
- d) Con người, phần mềm ứng dụng, hệ QTCSDL, CSDL.

4) Xét công tác quản lý hồ sơ học bạ ở trường học. Trong số các việc sau, việc nào không thuộc nhóm thao tác cập nhật hồ sơ?

- a) In một hồ sơ. (*)
- b) Xóa một hồ sơ.
- c) Sửa tên trong hồ sơ
- d) Thêm hai hồ sơ.

5) Sau khi thực hiện tìm kiếm thông tin trong một tệp hồ sơ học sinh, khẳng định này sau đây là ĐÚNG?

- a) Trình tự các hồ sơ trong tệp không thay đổi. (*)
- b) Tệp hồ sơ có thể xuất hiện những hồ sơ mới.
- c) Trình tự các hồ sơ trong tệp không thay đổi, nhưng những thông tin tìm thấy đã được lấy ra nên không còn trong những hồ sơ tương ứng.
- d) Những hồ sơ tìm được sẽ không còn trên tệp vì người ta đã lấy thông tin ra.

6) Xét tệp hồ sơ học bạ của một lớp. Các hồ sơ được sắp xếp giảm dần theo điểm trung bình của học sinh. Việc nào dưới đây đòi hỏi phải duyệt tất cả các hồ sơ trong tệp?

- a) Tìm học sinh có điểm trung bình cao nhất.
- b) Tìm học sinh có điểm trung bình thấp nhất.
- c) Tính điểm trung bình của tất cả học sinh trong lớp. (*)
- d) Tìm học sinh có điểm trung bình cao nhất và thấp nhất.

7) Việc xác định cấu trúc của hồ sơ được tiến hành vào thời điểm nào?

- a) Sau khi đã nhập các hồ sơ vào máy tính.
- b) Cùng lúc với việc nhập và cập nhật hồ sơ.
- c) Trước khi nhập hồ sơ vào máy tính. (*)
- d) Trước khi thực hiện các phép tìm kiếm, tra cứu thông tin.

8) Thành phần nào dưới đây không thuộc cơ sở dữ liệu?

- a) Cấu trúc dữ liệu (cấu trúc bản ghi).
- b) Dữ liệu lưu trong các bản ghi.
- c) Các chương trình phục vụ cập nhật dữ liệu. (*)
- d) Các thuộc tính của trường.

9) Chức năng của hệ QTCSDL là cung cấp

- a) Cách tạo lập CSDL và công cụ kiểm soát, điều khiển việc truy cập vào CSDL.
- b) Cách cập nhật dữ liệu, tìm kiếm và kết xuất thông tin
- c) Cách khai báo dữ liệu.

- d) Cách tạo lập CSDL, các công cụ kiểm soát, điều khiển việc truy cập vào CSDL, cách cập nhật dữ liệu, tìm kiếm và kết xuất thông tin. (*)
- 10) Người nào đã tạo ra các phần mềm ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL?
- a) Người lập trình ứng dụng. (*) c) Người quản trị hệ thống.
b) Người dùng cuối. d) Mọi người có quyền như nhau.
- 11) Khẳng định nào dưới đây là sai?
- a) Hệ QTCSDL nào cũng có một ngôn ngữ CSDL riêng.
b) Hệ QTCSDL hoạt động độc lập, không phụ thuộc vào hệ điều hành. (*)
c) Ngôn ngữ CSDL và hệ QTCSDL thực chất là một.
d) Hệ QTCSDL cho phép tạo ra CSDL.
- 12) Khẳng định nào dưới đây là đúng?
- a) Hệ QTCSDL nào cũng có một ngôn ngữ CSDL riêng. (*)
b) Hệ QTCSDL hoạt động độc lập, không phụ thuộc vào hệ điều hành.
c) Hệ QTCSDL là một bộ phận của ngôn ngữ CSDL, đóng vai trò chương trình dịch cho ngôn ngữ CSDL.
d) Mọi chức năng của hệ QTCSDL đều thể hiện qua ngôn ngữ CSDL.
- 13) Chọn câu đúng nhất trong các câu dưới đây?
- a) Microsoft Access là một phần mềm tiện ích.
b) Microsoft Access là hệ quản trị cơ sở dữ liệu trên môi trường Windows. (*)
c) Microsoft Access là phần mềm hệ thống.
d) Microsoft Access là phần mềm ứng dụng.
- 14) Microsoft Access là hệ quản trị cơ sở dữ liệu dành cho
- a) Các máy tính trong mạng toàn cầu. c) Các máy tính trong mạng cục bộ. (*)
b) Các máy tính trong mạng diện rộng. d) Các máy tính trong mạng khách - chủ.
- 15) Trong Microsoft Access, một cơ sở dữ liệu thường là
- a) Một tệp. (*)
b) Tập hợp các bảng có liên quan với nhau.
c) Một sản phẩm phần mềm.
d) Một thư mục.
- 16) Các chức năng chính của Microsoft Access là
- a) Tạo lập các bảng.
b) Lưu trữ dữ liệu.
c) Tính toán và khai thác dữ liệu.
d) Tạo các bảng, lưu trữ dữ liệu, tính toán và khai thác dữ liệu. (*)
- 17) Tập tin trong Microsoft Access được gọi là
- a) Tập tin cơ sở dữ liệu. (*) c) Bảng
b) Tập tin dữ liệu. d) Tập tin truy cập dữ liệu.
- 18) Thành phần cơ sở của Microsoft Access là
- a) Table. (*) c) Field.
b) Record. d) Field name.
- 19) Trong Microsoft Access, khi nào thì có thể nhập dữ liệu vào bảng?
- a) Ngay sau khi cơ sở dữ liệu được tạo ra.
b) Bất cứ khi nào có dữ liệu.
c) Bất cứ lúc nào cần cập nhật dữ liệu.
d) Sau khi bảng đã được tạo trong cơ sở dữ liệu. (*)
- 20) Trong chế độ thiết kế Bảng, một trường thay đổi khi
- a) Một trong những thuộc tính (properties) của trường thay đổi.
b) Tên trường thay đổi.
c) Kiểu dữ liệu của trường thay đổi.
d) Tên trường, kiểu dữ liệu hoặc tính chất của nó thay đổi. (*)
- 21) Kích thước (Field Size) của trường có thể được thay đổi
- a) Trong chế độ thiết kế bảng. (*) c) Không thể thay đổi được.
b) Trong chế độ trang dữ liệu. d) Trong chế độ đồ thị.
- 22) Thao tác nào dưới đây không phải là thay đổi cấu trúc bảng?
- a) Thêm trường mới.
-

- b) Thay đổi trường (tên, kiểu dữ liệu, tính chất, ...).
- c) Xóa trường.
- d) *Thêm một bản ghi mới. (*)*

23) Trong Microsoft Access, sau khi thiết kế bảng, nếu ta không chỉ định khóa chính thì

- a) Access không cho phép lưu bảng.
- b) Access không cho phép nhập dữ liệu.
- c) *Dữ liệu có thể có hai bản ghi giống hệt nhau. (*)*
- d) Access không cho tạo lại khoá chính.

24) Sau khi thiết kế xong bảng, nếu ta không chỉ định khóa chính thì Access

- a) Không cho phép lưu bảng.
- b) Không cho phép nhập dữ liệu khi chưa chọn khoá chính.
- c) *Đưa ra lời khuyên chọn khóa chính cho bảng. (*)*
- d) Không cho lưu và tự tạo khoá chính cho bảng.

25) Để chỉ định khóa chính cho một bảng, sau khi chọn trường, ta thực hiện chọn Tab

- a) Database Tools → Relationship.
- b) Table → Edit key.
- c) *Design → Nhóm Tools → Primary key. (*)*
- d) Home → Relationship.

26) Để tạo liên kết cho các bảng đã có cấu trúc ta thực hiện chọn Tab

- a) *Database Tools → Nhóm Relationship → Relationship. (*)*
- b) Table → Edit key.
- c) Design → Primary key.
- d) Home → Relationship.

27) Trong Access, một bản ghi được tạo thành từ dãy các

- a) *Trường. (*)*
- b) Cơ sở dữ liệu.
- c) Tập.
- d) Bản ghi khác.

28) Để xóa một trường, chọn trường đó rồi nhấn

- a) Tổ hợp phím Ctrl + D.
- b) Tổ hợp phím Ctrl + Y.
- c) *Phím Delete. (*)*
- d) Tổ hợp phím Ctrl + Delete.

29) Để thêm bản ghi mới, ta nhấn nút nào trong các nút sau?

- a)  **New**. (*)
- b)  **Delete**.
- c)  **Totals**
- d)  **Spelling**.

30) Khi chọn kiểu dữ liệu cho trường thành tiền (bắt buộc kèm theo đơn vị tiền tệ), nên chọn loại nào?

- a) Number.
- b) *Currency. (*)*
- c) Text.
- d) Date/Time.

31) Nên lập mối quan hệ trước hay sau khi nhập dữ liệu cho bảng?

- a) *Trước. (*)*
- b) Sau.
- c) Trước hoặc sau tùy ý.
- d) Tùy từng trường hợp.

32) Cập nhật dữ liệu là

- a) Thay đổi dữ liệu trong các bảng.
- b) *Thêm bản ghi mới, chỉnh sửa, xóa bản ghi trong bảng. (*)*
- c) Thay đổi cấu trúc của bảng.
- d) Thay đổi cách hiển thị dữ liệu trong bảng.

33) Phát biểu nào SAI trong các phát biểu sau?

- a) *Có thể thêm bản ghi vào giữa các bản ghi đã có trong bảng. (*)*
- b) Có thể sử dụng phím Tab để di chuyển giữa các ô trong bảng ở chế độ trang dữ liệu.
- c) Tên trường có thể chứa các ký tự số và không thể dài hơn 64 ký tự.
- d) Bản ghi đã bị xóa thì không thể khôi phục lại được.

34) Để sắp xếp dữ liệu trường nào đó tăng dần ta chọn nút lệnh có biểu tượng

- a)  **Ascending**. (*)
- b)  **Descending**
- c)  **Advanced**.
- d)  **Go To**.

35) Khẳng định nào sau đây là SAI?

- a) Lọc là một công cụ của hệ QT CSDL cho phép tìm ra những bản ghi thỏa mãn một số điều kiện nào đó phục vụ tìm kiếm.
- b) Lọc tìm được các bản ghi trong nhiều bảng thỏa mãn với điều kiện lọc. (*)
- c) Sử dụng lọc theo ô dữ liệu đang chọn để tìm nhanh các bản ghi có dữ liệu trùng với ô đang chọn.
- d) Sử dụng lọc theo mẫu để tìm các bản ghi thỏa mãn các tiêu chí phức tạp.

36) Điều kiện cần để có thể tạo được liên kết trong CSDL là

- a) Trường liên kết của hai bảng phải tương ứng về kiểu dữ liệu. (*)
- b) Trường liên kết phải có tên giống nhau.
- c) Trường liên kết phải là kiểu số.
- d) Trường liên kết phải khác nhau về kiểu dữ liệu.

37) Để tạo biểu mẫu ta chọn đối tượng nào trên Tab Create?

- a) Form Wizard. (*)
- b) Query Wizard.
- c) Tables Design.
- d) Reports.

38) Trong Access, ta có thể sử dụng biểu mẫu để

- a) Xem, nhập và sửa dữ liệu. (*)
- b) Sửa cấu trúc bảng.
- c) Tính toán cho các trường tính toán.
- d) Lập báo cáo.

39) Trước khi tạo biểu mẫu, dữ liệu nguồn phải có đối tượng nào sau đây?

- a) Bảng. (*)
- b) Báo cáo.
- c) Mẫu hỏi
- d) Biểu mẫu

40) Trong chế độ thiết kế của biểu mẫu, ta có thể

- a) Sửa đổi thiết kế cũ.
 - b) Thiết kế mới cho biểu mẫu, sửa đổi thiết kế cũ.
 - c) Thiết kế mới cho biểu mẫu, xem hay sửa đổi thiết kế cũ. (*)
 - d) Xem hay sửa đổi thiết kế cũ, xem, sửa, xóa và nhập dữ liệu.
-